

Số: 06/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Phạm Thị Gấm.

Thư ký phiên họp: ông Trần Hoàng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: bà Nguyễn Thị Hạnh Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 11/2025/TLST-LĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 68/2025/QĐXXST-LĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. **Người yêu cầu:** bà Lê Thị Thu V, sinh năm 1988;

Địa chỉ thường trú số: Xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

2.1. Công ty Sản xuất Thương mại H;

Địa chỉ trụ sở số: Đường M, KCN T, phường T1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh)

2.2. Bà Lê Thị Thu H1, sinh năm 1992;

Địa chỉ thường trú: xã M1, huyện B2, tỉnh L (nay là xã M1, tỉnh T2)

(Bà Lê Thị Thu V, bà Lê Thị Thu H1 có đơn xin vắng mặt; Công ty Sản xuất Thương mại H và người đại diện theo pháp luật của Công ty Sản xuất Thương mại H vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 22/01/2025, bà Lê Thị Thu V trình bày:

Đầu năm 2008, bà Lê Thị Thu V cho bà Lê Thị Thu H1 mượn chứng minh nhân dân số 321263013 để làm hồ sơ xin việc tại Công ty Dệt G (sau đây gọi là Công ty Dệt); địa chỉ số: Đường M, KCN T, phường T1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2008 đến tháng 05/2009 do Bảo hiểm

xã hội Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

Đến tháng 10/2009, thì bà Lê Thị Thu V cho bà Lê Thị Thu H1 mượn chứng minh nhân dân nêu trên để làm hồ sơ xin việc tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H (sau đây gọi là Công ty H); địa chỉ số: Đường M, KCN T, phường T1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), Thành phố Hồ Chí Minh, có ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2009 đến tháng 06/2010 do Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở An Lạc) quản lý.

Trong thời gian đó, tháng 10/2006 thì bà Lê Thị Thu V đi làm tại Công ty TNHH P1 Việt Nam tại địa chỉ số: Đường Q, phường T, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh, có ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 03/2011 đến tháng 06/2023, có mã số bảo hiểm xã hội là 0206349801, do Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở An Lạc) quản lý.

Tháng 06/2009 bà Lê Thị Thu H1 nghỉ việc tại Công ty Dệt; tháng 07/2010, nghỉ việc tại Công ty H; tháng 07/2023, bà Lê Thị Thu V nghỉ việc tại Công ty P1 Việt Nam. Sau đó, bà Lê Thị Thu V có liên hệ Bảo hiểm xã hội làm thủ tục rút bảo hiểm xã hội thì phát hiện trùng tên, trùng chứng minh nhân dân, có hai mã số sổ bảo hiểm xã hội khác nhau (mã số bảo hiểm xã hội là 7908376686 và mã số sổ bảo hiểm xã hội là 7909370316). Việc tồn tại hai mã số sổ bảo hiểm xã hội ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Thu V.

Nay bà Lê Thị Thu V yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Lê Thị Thu V (do bà Lê Thị Thu H1 thực hiện) và Công ty Dệt G từ tháng 8/2008 đến tháng 5/2009 và hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Lê Thị Thu V (do bà Lê Thị Thu H1 thực hiện) và Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H từ tháng 10/2009 đến tháng 6/2010 là vô hiệu và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H1 trình bày:

Bà và bà Lê Thị Thu V là chị em họ với nhau, khoảng đầu năm 2008 thì bà có mượn chứng minh nhân dân số 321263013 để làm hồ sơ xin việc, làm việc và đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty Dệt và sau đó là Công ty H như đúng lời trình bày của bà Lê Thị Thu V. Nay bà Lê Thị Thu V yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Lê Thị Thu V (do bà Lê Thị Thu H1 thực hiện) và Công ty Dệt G từ tháng 8/2008 đến tháng 5/2009 và hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Lê Thị Thu V (do bà Lê Thị Thu H1 thực hiện) và Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H từ tháng 10/2009 đến tháng 6/2010 là vô hiệu và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu thì bà đồng ý với yêu cầu trên và không có ý kiến gì khác.

Trong quá trình giải quyết việc lao động, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin doanh nghiệp đối với Công ty Dệt G thì tại Văn bản số 1322/TB-BQL_KCN_HCM ngày 02/6/2011 của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định "... Công ty TNHH Dệt G; địa chỉ

Lô số 11, đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh do Lien King B2... là người đại diện theo pháp luật... Căn cứ quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp..., kể từ ngày 31/5/2011 doanh nghiệp trên đã được xóa tên trong danh sách các doanh nghiệp đầu tư tại các khu chế xuất và khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh". Do đó, căn cứ vào Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xác định Công ty Dệt G không là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc dân sự nói trên.

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H và người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H để làm việc, tham gia phiên họp giải quyết việc lao động theo quy định của pháp luật nhưng Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H và người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H vắng mặt không có lý do.

Tại phiên họp:

Bà Lê Thị Thu V có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bà Lê Thị Thu H1 có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H và người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý việc dân sự tới thời điểm mở phiên họp, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Thẩm phán tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên họp tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thu V, hậu quả của hợp đồng vô hiệu, do không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Bình Tân nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: bà Lê Thị Thu V có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Lê Thị Thu V (do bà Lê Thị Thu H1 thực hiện) với Công ty TNHH Dệt G và Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H vô hiệu nên xác định là việc lao động về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Nơi giao kết và thực hiện hợp đồng lao động tại Công ty TNHH Dệt G; địa chỉ số: Đường M, KCN T, phường T1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) và tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H (sau đây gọi là Công ty H); địa chỉ số: Đường M, KCN T, phường T1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ

Chí Minh), Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Nghị quyết số 81/2025/UBNTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì việc lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Lê Thị Thu V có đơn xin giải quyết vắng mặt, bà Lê Thị Thu H1 có đơn xin giải quyết vắng mặt; Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H và người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H vắng mặt.

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án tiến hành giải quyết việc lao động vắng mặt các đương sự trên.

Về pháp luật áp dụng: bà Lê Thị Thu V (do bà Lê Thị Thu H1 thực hiện) với Công ty Dệt G từ tháng 8/2008 đến tháng 05/2009 và với Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H từ tháng 10/2009 đến tháng 06/2010 nên áp dụng Bộ luật Lao động năm 1994 để giải quyết việc lao động.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Lê Thị Thu V (do bà Lê Thị Thu H1 thực hiện) và Công ty Dệt G từ tháng 8/2008 đến tháng 05/2009 và với Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H từ tháng 10/2009 đến tháng 06/2010:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, lời khai của các đương sự và tại Công văn số: 295/BHXXH-TST của Bảo hiểm xã hội (BHXXH) quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở An Lạc) ngày 31/3/2025 thì:

“1/ Căn cứ dữ liệu BHXXH quản lý, tra cứu được: số sổ BHXXH 7908376686 đứng tên Lê Thị Thu V, sinh ngày 10/8/1988, số CMND 321263013, có tham gia BHXXH tại Công ty TNHH Dệt G, quá trình từ tháng 8/2008 đến tháng 5/2009, do BHXXH Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

2/ Căn cứ dữ liệu BHXXH quản lý, tra cứu được: số sổ BHXXH 7909370316 đứng tên Lê Thị Thu V, sinh ngày 10/8/1988, số CMND 321263013, có tham gia BHXXH tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H, quá trình từ tháng 10/2009 đến tháng 06/2010, do Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

3/ Căn cứ dữ liệu BHXXH quản lý, tra cứu được: số sổ BHXXH 0206349801 đứng tên bà Lê Thị Thu V, sinh ngày 10/8/1988, số CCCD số 083188015120, có tham gia BHXXH tại Công ty TNHH P1 Việt Nam, quá trình từ tháng 3/2011 đến tháng 6/2023, do BHXXH quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

4/ Về việc bà Lê Thị Thu V có yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị Thu V với Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H, BHXXH quận không có ý kiến và sẽ thực hiện theo quy định sau khi có kết luận”.

Bà Lê Thị Thu V và bà Lê Thị Thu H1 đều xác nhận hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Lê Thị Thu V và Công ty Dệt Gtửr tháng 8/2008 đến tháng 5/2009 và với Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Htửr tháng 10/2009 đến tháng 06/2010 là do bà Lê Thị Thu H1 thực hiện nên có cơ sở xác định bà Lê Thị Thu V (do là Lê Thị Thu H1 thực hiện) có giao kết hợp đồng lao động với Công ty Dệt Gtửr tháng 8/2008 đến tháng 5/2009 và với Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Htửr tháng 10/2009 đến tháng 06/2010, mặc dù các đương sự không cung cấp được hợp đồng lao động

Theo quy định tại Điều 6 và khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 thì người lao động phải trực tiếp ký kết hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Tuy nhiên, bà Lê Thị Thu V không trực tiếp ký kết hợp đồng lao động với Công ty Dệt Gtửr tháng 8/2008 đến tháng 5/2009 và với Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Htửr tháng 10/2009 đến tháng 06/2010 mà người ký kết là bà Lê Thị Thu H1, do bà Lê Thị Thu H1 mượn chứng minh nhân dân có thông tin cá nhân của bà Lê Thị Thu V để giao kết hợp đồng và làm việc tại Công ty Dệt Gtửr tháng 8/2008 đến tháng 5/2009 và với Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Htửr tháng 10/2009 đến tháng 06/2010 nên nội dung của hợp đồng lao động không có tính xác thực, không tuân theo quy định của pháp luật, vi phạm nguyên tắc trung thực và không đúng chủ thể trong giao kết hợp đồng. Do đó, hợp đồng lao động không có hiệu lực kể từ ngày giao kết theo quy định tại Điều 33 của Bộ luật Lao động năm 1994, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thu V về việc tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Lê Thị Thu V (do bà Lê Thị Thu H1 thực hiện) và Công ty Dệt Gtửr tháng 8/2008 đến tháng 5/2009 và với Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Htửr tháng 10/2009 đến tháng 06/2010 là vô hiệu.

[3.2] Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Lê Thị Thu V chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 149; khoản 2, khoản 3 Điều 367; Điều 371; Điều 372; Điều 401 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Nghị quyết số 81/2025/UBNTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Điều 6, khoản 1 Điều 30, Điều 33 của Bộ luật Lao động năm 1994;

- Căn cứ Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị Thu V về việc tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Lê Thị Thu V (do bà Lê Thị Thu H1 thực hiện) và Công ty Dệt G (có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2008 đến tháng 5/2009, mã số bảo hiểm xã hội là 7908376686) và hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Lê Thị Thu V (do bà Lê Thị Thu H1 thực hiện) và Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại H (có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2009 đến tháng 06/2010) vô hiệu.

2. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện thủ tục về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: bà Lê Thị Thu V phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0076546 ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp họ không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV9 – TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Lưu hồ sơ; VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Gấm